TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2022
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 và quyết định thay đổi Thư ký Tòa án số 42/2022/QĐ-TĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị X, sinh năm 1977; *nơi đăng ký HKTT*: Số A, đường số B, thôn C, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; *nơi cư trú*: Số D, đường số E, thôn F, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1981; *nơi cư trú*: Số A, đường số B, thôn C, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt chị X (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/7/2022). Vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2022, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc

không tiến hành hòa giải được, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/7/2022, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị X trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2013 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC (nay là xã NC), huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say xỉn, mỗi khi say rượu thì anh T kiếm chuyện gây gỗ, chửi bới và xúc phạm chị. Do chung sống không có hạnh phúc nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Chị X xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau; mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn lại được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh lập ngày 15/6/2022 có trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của anh Nguyễn Quốc T cung cấp thông tin như sau: Anh T và chị Trương Thị X là vợ chồng, sau khi kết hôn vợ chồng anh T chung sống rất hạnh phúc. Khoảng 03 đến 04 năm trở lại đây, giữa vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T thường xuyên say xỉn về gây nhau dẫn đến vợ chồng xô xát, đánh nhau. Chị X đã bỏ nhà đi làm ăn xa cách đây 03 năm. Còn anh T hiện nay đang đi làm nghề thợ hồ ở khu công nghiệp xã Đông Hà. Gia đình bà đã nhận được các giấy báo của Tòa án gửi qua đường bưu điện, bà có đưa lại cho anh T nhưng do anh T đi làm không nghỉ được nên không đến Tòa án để làm việc.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn anh Nguyễn Quốc T không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn không thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật TTDS.

Về hôn nhân: Năm 2004, chị Trương Thị X và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện chung sống với nhau, đến năm 2013 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC (nay là xã NC). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm chia sẻ cho nhau, chị X cho rằng anh T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T đã thực sự nghiêm trọng, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trương Thị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Nguyễn Quốc T nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và theo trích lục kết hôn số 323/TLKH-BS ngày 26/4/2022 của UBND xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Thấy rằng, hôn nhân giữa chị Trương Thị X và anh Nguyễn Quốc T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh T không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, tuy nhiên căn cứ vào biên bản xác minh lập ngày 15/6/2022, đã thể hiện: Anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh gửi cho anh. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh T thường xuyên uống rượu say xỉn về gây gỗ, xô xát với vợ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị X và anh T là thực tế. Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để cho vợ chồng anh chị được đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau, tuy nhiên anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc. Điều này chứng tỏ anh T cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị X là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị X là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Trương Thị X ly hôn anh Nguyễn Quốc T.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về án phí: Chị Trương Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009380 ngày 04/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/7/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đức Linh,
-Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
-UBND xã NC, Đức Linh, Bình Thuận,
-Các đương sự,
-Lưu qđ, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Thuận